

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KT01000: ĐỊA LÝ KINH TẾ (GEOGRAPHICAL ECONOMICS)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 1
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 02 (Lý thuyết: 02 – Thực hành: 0 - Tự học: 06)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 24 tiết
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: 6 tiết
- Tự học: 90 tiết (*theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên*)
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Kinh tế Tài nguyên và Môi trường
 - Khoa: Kinh tế và Phát triển Nông thôn
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☒		Cơ sở ngành ☐	
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐
- Học phần học song hành: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà học phần đáp ứng

*** Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:**

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Kiến thức chung	
CĐR1. Áp dụng các kiến thức toán, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào lĩnh vực KTNN.	1.2 Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên và môi trường vào việc phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển bền vững kinh tế nông nghiệp
Kiến thức chuyên môn	
CĐR2. Đánh giá các giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp dựa trên các yêu cầu	2.3. Phân tích các xu hướng phát triển kinh tế nông nghiệp và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến từng xu hướng phát triển này

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
về phát triển bền vững và sự hài hoà lợi ích của các bên liên quan.	
CĐR3. Xây dựng các chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa.	3.2. Xây dựng tầm nhìn, mục tiêu chiến lược phát triển SXKD nông nghiệp bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa.
Kỹ năng chung	
CĐR5. Phối hợp làm việc nhóm trong vai trò là thành viên hay lãnh đạo nhóm một cách hiệu quả, cùng nhau tạo ra môi trường hợp tác và hòa nhập, lập và triển khai kế hoạch công việc đáp ứng các mục tiêu	5.2. Phối hợp thành thạo các kỹ năng xây dựng và phát triển quan hệ nội bộ bao gồm: (i) thiết lập và kiểm soát sự nối kết trong nhóm, (ii) giải quyết mâu thuẫn và quan hệ với bên ngoài trong quá trình làm việc của nhóm.
Thái độ	
CĐR10. Thể hiện nhu cầu học tập suốt đời và tinh thần đổi mới.	10.1. Xác định rõ ràng các hạn chế của bản thân đối với kiến thức, năng lực cần có của cử nhân kinh tế nông nghiệp

III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của học phần

* **Mục tiêu:**

- Học phần nhằm cung cấp cho người học xác định, phân biệt và lý giải những kiến thức cơ bản về tổ chức lãnh thổ, vùng kinh tế, các nguồn lực phục vụ cho phát triển kinh tế và tổ chức lãnh thổ các ngành trong nền kinh tế quốc dân.
- Học phần rèn luyện cho người học về vận dụng linh hoạt các kỹ năng mềm về làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình thông qua trình bày và thảo luận nhóm.
- Học phần hình thành cho người học thái độ chủ động trong học tập, nghiên cứu; có tinh thần trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp với phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn

* **Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT				
		1.2	2.3	3.2	5.2	10.1
KT01000	Địa lý kinh tế	I	I	I	I	I

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	Chỉ báo CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Áp dụng nguyên tắc phân bố sản xuất và tổ chức xã hội theo lãnh thổ vào các vùng kinh tế của Việt Nam dựa trên các điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội của ngành sản xuất và lãnh thổ đầy đủ.	1.2
K2	Phân tích đầy đủ đặc điểm, vai trò và đánh giá ảnh hưởng của các nguồn tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn của Việt Nam đến xu hướng phát triển kinh tế nông nghiệp.	2.3
K3	Xây dựng tầm nhìn, mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế của tổ chức lãnh thổ một ngành kinh tế đầy đủ, chính xác.	3.2
Kỹ năng		
K4	Phối hợp các thành viên trong nhóm tìm kiếm thông tin địa lý kinh tế, viết báo cáo, thuyết trình kết quả nghiên cứu một cách thuyết phục, giải đáp các câu hỏi thắc mắc thoả đáng.	5.2
Thái độ		
K5	Xác định rõ ràng các hạn chế của bản thân đối với kiến thức về các vùng kinh tế Việt Nam, các đặc điểm chung của các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ của Việt Nam để chủ động cập nhật kiến thức	10.1

IV. Nội dung tóm tắt của học phần

KT01000 - Địa lý Kinh tế (02: 02 – 0 – 06). Học phần này gồm: Nội dung về vấn đề cơ bản của tổ chức lãnh thổ; Đánh giá nguồn tài nguyên thiên nhiên đến sự phát triển các ngành nông nghiệp, công nghiệp; Đặc điểm tài nguyên nhân văn tới các vấn đề kinh tế xã hội; Nghiên cứu về Tổ chức lãnh thổ ngành Công nghiệp, Nông nghiệp, Dịch vụ của Việt Nam và Đặc điểm của một số vùng kinh tế Việt Nam.

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp giảng dạy (bảng 1) bao gồm:

- Thuyết giảng (Lecturing method): giảng viên sử dụng các phương tiện truyền đạt (bảng viết, đèn chiếu, hệ thống âm thanh,...) để trình bày nội dung bài giảng.
- Hướng dẫn, thảo luận theo các chủ đề, nội dung bài giảng
- Giảng dạy thông qua thảo luận (Teaching through discussion): giảng viên chuẩn bị các câu hỏi có liên quan đến môn học.
- Tổ chức học tập theo nhóm (Group-based learning): giảng viên tổ chức lớp học theo nhóm và chuẩn bị cho các nhóm trình bày kết quả thảo luận nhóm.
- Tổ chức học tập trực tuyến (Online learning) thông qua các phần mềm giảng dạy trực tuyến chuyên dụng, Elearning, Ms Team.

Bảng 1: Phương pháp giảng dạy

KQHTMD PPGD	K1	K2	K3	K4	K5
Thuyết giảng	X	X	X		X
Giảng dạy thông qua thảo luận	X	X	X		X
Tổ chức học tập theo nhóm		X		X	X

2. Phương pháp học tập

- Ghi chép bài đầy đủ những nội dung giảng viên thuyết trình để tiếp tục tự học ở nhà
- Chủ động tự học tập và tham khảo tài liệu giải quyết vấn đề cuối mỗi chương.
- Chủ động, tích cực tham gia thảo luận; làm việc, thuyết trình nhóm.
- Học tập trực tuyến.

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự đầy đủ các buổi học, thảo luận, làm bài tập.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo trước khi đến lớp học.
- Thuyết trình, thảo luận chủ đề của giáo trình: Tất cả sinh viên tham dự học phần này tham gia thảo luận nhóm, chuẩn bị bài thuyết trình chung và thuyết trình trước cả lớp. Mỗi nhóm sinh viên, thực hiện thuyết trình về một chủ đề riêng do giảng viên giới thiệu trước.
- Thi cuối kì: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự buổi thi cuối kỳ, nội dung toàn bộ kiến thức đã học.

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric và hình thức đánh giá

- Rubric 1 – Đánh giá thái độ và tham gia thảo luận: 10%
- Rubric 2– Đánh giá thuyết trình: 30%
- Đánh giá thi cuối kỳ: 60%

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 2. Ma trận đánh giá

KQHTMD	K1	K2	K3	K4	K5	Thời gian/tuần học
Đánh giá quá trình (40%)						
Rubric 1. Đánh giá thái độ và tham gia thảo luận (10%)	X	X			X	Tuần 1 đến tuần 10
Rubric 2 Thuyết trình theo nhóm (30%)		X		X	X	Tuần 4-8
Đánh giá cuối kì (60%)						
Thi cuối kì (60%)	X		X			Theo lịch thi của Học viện

Rubric 1: Đánh giá thái độ và tham gia thảo luận

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
<i>Kiến thức</i>					
Chất lượng ý kiến thảo luận	30	Đầy đủ theo yêu cầu	Chỉ thiếu 1 ý quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu một nội dung (2-3 nội dung)	Thiếu rất nhiều nội dung
<i>Thái độ</i>					
Tập trung chú ý	20	Luôn chú ý	Khá chú ý	Có chú ý	Không chú ý
Tham gia thảo luận, trao đổi	30	Luôn tham gia các hoạt động thảo luận, trao đổi	Có tham gia	Ít tham gia	Không tham gia
Thời gian tham dự	20	Mỗi buổi học là 2% và không được vắng trên 2 buổi			

Rubric 2. Đánh giá thuyết trình (theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
<i>Về kiến thức</i>					
Phân tích đầy đủ đặc điểm, vai trò và đánh giá ảnh hưởng của các nguồn tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn của Việt Nam đến xu hướng phát triển kinh tế nông nghiệp.	15	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu (thiếu 1 ý quan trọng)	Khá đầy đủ, thiếu 2-3 nội dung quan trọng	Thiếu rất nhiều nội dung quan trọng
Dẫn chứng minh họa cho đặc điểm, vai trò và đánh giá ảnh hưởng của nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhân văn tới xu hướng phát triển kinh tế nông nghiệp	15	Các ví dụ rõ ràng	Các ví dụ khá rõ ràng	Chỉ cung cấp được 1 ví dụ khá rõ ràng.	Không có ví dụ hoặc ví dụ không rõ ràng
Trả lời câu hỏi	20	Các câu hỏi đặt ra đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng.	Trả lời đúng đa số câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được.	Không trả lời được các câu hỏi.
<i>Kỹ năng</i>					
Phối hợp các thành viên trong nhóm tìm kiếm thông tin địa lý kinh tế, viết báo cáo	20	Có phối hợp thành thạo, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong viết báo cáo, trình bày. Cấu trúc bài và slides rất hợp lý.	Có phối hợp tốt khi tìm kiếm thông tin, viết báo cáo, thuyết trình nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ. Cấu trúc bài và slides khá hợp lý.	Tương đối phối hợp trong tìm kiếm thông tin, viết báo cáo, trình bày. Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý.	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm trong tìm kiếm thông tin, viết báo cáo và thuyết trình kết quả. Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý.
Phối hợp các thành viên trong thuyết trình nghiên cứu một cách thuyết phục	10	Phối hợp thành thạo và lập luận lô cuốn, thuyết phục.	Phối hợp tốt để trình bày lô cuốn, lập luận khá thuyết phục.	Tương đối phối hợp tốt để trình bày các nội dung quan trọng.	Không thể hiện sự phối hợp để trình bày các nội dung.

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Phối hợp các thành viên trong nhóm đặt câu hỏi, giải đáp các câu hỏi thỏa đáng.	10	Có phối hợp tốt. Các câu hỏi đặt ra đầy đủ, rõ ràng. Trả lời thỏa đáng các câu hỏi dựa trên thống nhất thảo luận nhóm	Có phối hợp. Các câu hỏi đặt ra khá đầy đủ, rõ ràng. Trả lời được một số các câu hỏi dựa trên thống nhất thảo luận nhóm.	Ít phối hợp. Các câu hỏi đặt ra chưa đầy đủ, rõ ràng. Trả lời chưa tập trung	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm. Không đặt ra các câu hỏi. Không thống nhất để trả lời câu hỏi
Thái độ					
Chủ động cập nhật kiến thức	10	Luôn chủ động cập nhật kiến thức	Tương đối chủ động cập nhật kiến thức	Chủ động cập nhật kiến thức mức độ trung bình	Không chủ động cập nhật kiến thức.

Bảng 3. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần
(cho thi cuối kỳ: hình thức thi tự luận)

KQHTMD	Chỉ báo thực hiện KQHTMD
K1	CB1. Áp dụng nguyên tắc phân bố sản xuất và tổ chức xã hội theo lãnh thổ vào các vùng kinh tế của Việt Nam dựa trên các điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội của một ngành sản xuất và lãnh thổ
K3	CB2. Xây dựng tầm nhìn, mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế của tổ chức lãnh thổ một ngành kinh tế đầy đủ, chính xác.

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Nộp bài thuyết trình chậm: Tất cả các trường hợp nộp chậm sẽ bị trừ điểm chuyên cần; mức trừ sẽ được giảng viên xem xét cụ thể tùy theo số lần nộp chậm và thời gian chậm nộp.

Tham dự các bài thi: Sinh viên phải tham gia bài thi cuối kỳ

Yêu cầu về đạo đức: tôn trọng giảng viên và các sinh viên khác trong lớp, không nói chuyện riêng, không dùng điện thoại làm việc riêng, ăn uống trong lớp học.

VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng:

1. Barnes, Trevor J., and Christophers, Brett. 2018. Economic Geography: a critical introduction. Hoboken, NJ: John Wiley & Son, 325 trang.
2. Vi Văn Năng và Cs.2014. Giáo trình địa lý kinh tế. Nhà xuất bản đại học Nông nghiệp, 180 trang.

*** Tài liệu tham khảo khác:**

1. Phạm Thuyền. 2019. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, 871 trang.
2. Trần Ngọc Ca. 2018. Đổi mới và phát triển ở Việt Nam. Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật, 235 trang.
3. Nguyễn Đắc Hưng và Cs. 2018. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư : Sách chuyên khảo. Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 387 trang.
4. Tran Binh Nam, Chi Do Pham. 2018. The Vietnamese Economy. Routledge Taylor and Francis group, 400 trang.

IX. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1	Chương 1: Đối tượng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn Địa lý kinh tế	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 1.1. Đối tượng nghiên cứu của địa lý kinh tế 1.2. Vị trí của môn học 1.3. Nhiệm vụ của môn học địa lý kinh tế 1.4. Nội dung nghiên cứu của môn học 1.5. Phương pháp nghiên cứu	K1, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) - Sinh viên tìm tài liệu tham khảo cho môn học - Tự đọc tài liệu cho nội dung đã học trên lớp	K1, K5
2	Chương 2: Một số lý luận cơ bản về phân bố sản xuất và tổ chức lãnh thổ	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 2.1. Các nguyên tắc phân bố sản xuất	K1, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) 2.2. Vùng kinh tế 2.3. Phân vùng kinh tế 2.4. Quy hoạch vùng kinh tế - Sinh viên tự đọc tài liệu cho nội dung đã học trong chương 2	K1, K5
3 + 4 + 5	Chương 3: Tài nguyên thiên nhiên	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (9 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (6 tiết) 3.1. Môi quan hệ giữa môi trường tự nhiên và nền sản xuất xã hội 3.2. Các nguồn lực tự nhiên của Việt Nam Nội dung seminar/thảo luận: (3 tiết) Phân tích đặc điểm, vai trò và đánh giá ảnh hưởng của các nguồn tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam đến xu hướng phát triển kinh tế nông nghiệp.	K2,K4, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (27 tiết) - Sinh viên tự đọc tài liệu cho nội dung đã học trong chương 3 - Thảo luận nhóm, chuẩn bị bài thuyết trình	K2,K4, K5

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
6 + 7	Chương 4: Tài nguyên nhân văn	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết) 4.1. Mối quan hệ giữa dân cư - nguồn lao động và sự phát triển kinh tế xã hội 4.2. Dân tộc 4.3. Dân cư 4.4. Nguồn lao động 4.5. Thực trạng phân bố dân cư - nguồn lao động và định hướng của Việt Nam Nội dung seminar/thảo luận: (3 tiết) Phân tích đặc điểm, vai trò và đánh giá ảnh hưởng của các nguồn tài nguyên nhân văn của Việt Nam đến xu hướng phát triển kinh tế nông nghiệp.	K2,K4, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) - Sinh viên tự đọc tài liệu cho nội dung đã học trong chương 4 - Thảo luận nhóm, chuẩn bị bài thuyết trình	K2,K4, K5
8	Chương 5: Tổ chức lãnh thổ ngành sản xuất Nông nghiệp	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 5.1 Vị trí, vai trò, ý nghĩa của tổ chức lãnh thổ ngành nông nghiệp 5.2. Nông nghiệp 5.3. Lâm nghiệp 5.4. Ngư nghiệp	K3, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) - Sinh viên tự đọc tài liệu cho nội dung đã học trên lớp - Tự tổng hợp nội dung về ngành lâm nghiệp và ngư nghiệp	K3, K5
9	Chương 6: Tổ chức lãnh thổ ngành sản xuất Công nghiệp	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 6.1. Vị trí ngành sản xuất công nghiệp trong phát triển và phân bố sản xuất 6.2. Đặc điểm tổ chức lãnh thổ ngành công nghiệp 6.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức lãnh thổ ngành công nghiệp 6.4. Thực trạng và định hướng tổ chức lãnh thổ ngành công nghiệp Việt Nam	K3, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) - Sinh viên tự đọc tài liệu cho nội dung đã học trong chương 6	K3, K5
10	Chương 7: Tổ chức lãnh thổ ngành Dịch vụ Chương 8: Tổ chức lãnh thổ các vùng kinh tế ở Việt Nam	

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 7.1. Vai trò của dịch vụ trong đời sống kinh tế xã hội 7.2. Đặc điểm của tổ chức lãnh thổ dịch vụ 7.3. Hiện trạng phát triển và phân bố một số ngành dịch vụ chủ yếu	K3, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) - Sinh viên tự đọc tài liệu cho nội dung đã học trong chương 7 (6 tiết) - Sinh viên tự học nội dung của chương 8 (3 tiết): 8.1. Vùng Đông Bắc Bắc Bộ 8.2. Vùng Tây Bắc 8.3. Vùng Đồng Bằng Sông Hồng 8.4. Vùng Bắc Trung Bộ 8.5. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ 8.6. Vùng Tây Nguyên 8.7. Vùng Đông Nam Bộ 8.8. Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long	K3, K5

X. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: rộng rãi, hợp lý cho tổ chức thảo luận theo nhóm;
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: đầy đủ loa, mic, máy chiếu, phần mềm giảng dạy chuyên dụng;
- E- learning, phần mềm dạy trực tuyến (MS Teams...), máy tính, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet với băng thông đáp ứng nhu cầu người dùng, không để xảy ra nghẽn mạng hay quá tải. Phòng học trực tuyến đầy đủ ánh sáng, cách âm tốt, thông thoáng, ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hồ Ngọc Cường
GIÁM ĐỐC
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC

THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Hồ Ngọc Cường	Học hàm, học vị: TS.
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Kinh tế Tài nguyên & Môi trường, Khoa Kinh tế & phát triển nông thôn, Học viện nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0912.300.911
Email: hncuong@vnua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/ktptnt/
Cách liên lạc với giảng viên: thông qua điện thoại, email	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Thương	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Kinh tế Tài nguyên & Môi trường, Khoa Kinh tế & phát triển nông thôn, Học viện nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0983.692.805
Email: ngocthuong285@gmail.com	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/ktptnt/
Cách liên lạc với giảng viên: thông qua điện thoại, email	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Lê Phương Nam	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Kinh tế Tài nguyên & Môi trường, Khoa Kinh tế & phát triển nông thôn, Học viện nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0916.862.248
Email: lephuongnam87@gmail.com	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/ktptnt/
Cách liên lạc với giảng viên: thông qua điện thoại, email	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Hoàng Thị Hằng	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Kinh tế Tài nguyên & Môi trường, Khoa Kinh tế & phát triển nông thôn, Học viện nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0915.130.136
Email: hanghoang22@gmail.com	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/ktptnt/
Cách liên lạc với giảng viên: thông qua điện thoại, email	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Mạnh Hiếu	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Kinh tế Tài nguyên & Môi trường, Khoa Kinh tế & phát triển nông thôn, Học viện nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0389.926.029
Email: nmhieu@vnua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/ktptnt/
Cách liên lạc với giảng viên: thông qua điện thoại, email	

BẢNG TÓM TẮT TƯƠNG THÍCH GIỮA KQHTMD, DẠY- HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ

KQHTMD	K1	K2	K3	K4	K5
DẠY VÀ HỌC					
Thuyết giảng	X	X	X		X
Giảng dạy thông qua thảo luận	X	X	X		X
Tổ chức học tập theo nhóm		X		X	X
ĐÁNH GIÁ					
Rubric 1. Đánh giá tham gia thảo luận (10%)	X	X			X
Rubric 2 Thuyết trình theo nhóm (30%)		X		X	X
Thi cuối kì (60%)	X		X		

CÁC LẦN CẢI TIẾN ĐỀ CƯƠNG:

- Lần 1: 7/2017

Rà soát, cập nhật kết quả học tập mong đợi của học phần, phương pháp đánh giá theo chuẩn đầu ra mới của chương trình đào tạo.

- Lần 2: 7/ 2018

Rà soát và cập nhật nội dung và kiến thức học phần, bài giảng theo xu hướng của ngành

- Lần 3: 7/ 2019

Rà soát và cập nhật tài liệu tham khảo

- Lần 4: 7/ 2020

Rà soát và cập nhật phương pháp giảng dạy

- Lần 5: 7/ 2021

Cập nhật phương pháp giảng dạy

Bổ sung các kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên vào bài giảng

- Lần 6: 7/2022

Rà soát và cập nhật tài liệu tham khảo